

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 461/2026/HC-PT

Ngày 23-4-2026.

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai
thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yến Xuân – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba D – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2025/TLPT-HC ngày 08/12/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 364/2025/HC-ST ngày 14-8-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 296/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 2 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Tôn Nữ Kim H, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ A, khu phố B H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ A, khu phố B H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 11/3/2025); xin vắng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Duy L, luật sư thuộc Công ty L1; có mặt

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (không còn hoạt động).

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: tỉnh lộ 52, ấp Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu H1, Chủ tịch; xin vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Tấn H2, Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường T; xin vắng mặt;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (không còn hoạt động)

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bà Tôn Thị Kim H3, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (bà Nguyễn Thị P) trình bày:

Bà Tôn Nữ Kim H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số CQ978696 ngày 10-5-2019 đối với diện tích 1.053,2m² đất, thuộc thửa số 557 (mới 107), tờ bản đồ số 34 (mới 67), xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng tháng 3/2023, bà H nhận được Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Bà Rịa (gọi tắt là Quyết định 657) về việc thu hồi diện tích 378,6m² đất để thực hiện Dự án thành phần 3, thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B giai đoạn 1 (địa phận xã H – đợt 1), thành phố B và Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND thành phố B (gọi tắt là Quyết định 712) về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Tôn Nữ Kim H.

Không đồng ý với Quyết định 712, bà H làm đơn khiếu nại với lý do xác định không đúng giá đất theo quy định pháp luật và chính sách bồi thường đất của UBND tỉnh B; không áp giá bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc. Ngày 27/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 1591) về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà H với nội dung, không chấp nhận khiếu nại.

Không đồng ý với Quyết định 1591, bà H khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 13/11/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2999/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 2999) về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà H với nội dung, không chấp nhận khiếu nại.

Do đó, bà H yêu cầu Tòa án: hủy Quyết định 712 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Tôn Nữ Kim H; hủy Quyết định 1591 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Kim H (lần đầu); hủy Quyết định 2999 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Kim H (lần hai); buộc Chủ tịch UBND phường T bồi thường giá đất theo đúng quy định pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bà Tôn Nữ Kim H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B bồi thường vật kiến trúc và cây

trồng trên đất.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện UBND thành phố B (nay là Chủ tịch UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) trình bày (tại Văn bản số 10713/UBND-VP ngày 11/10/2024 của UBND thành phố B):

- Về nội dung hủy Quyết định 712 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Tôn Nữ Kim H.

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai 2013, trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 21/11/2022, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 1785/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 3, thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B giai đoạn 1, đoạn qua xã T và xã H, thành phố B (gọi tắt là Dự án) của bà Tôn Nữ Kim H.

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, ngày 17/01/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Thông báo số 231/TB-TTPTQĐ về việc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Tôn Nữ Kim H. Cùng ngày 10/02/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định 657, thu hồi 378,6m² đất của bà Tôn Nữ Kim H để thực hiện Dự án; Quyết định 712, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà H. Như vậy, Quyết định 712 là đúng quy định pháp luật. Bà Tôn Nữ Kim H yêu cầu hủy Quyết định này là không có cơ sở.

- Về nội dung hủy Quyết định 1591 và Quyết định số 2999 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Kim H (lần đầu và lần hai). Do Quyết định 712 được ban hành đúng pháp luật nên khiếu nại của bà H là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 364/2025/HC-ST ngày 14-8-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử (tóm tắt):

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Kim H về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Tôn Nữ Kim H; Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Kim H (lần đầu); Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Kim H (lần hai); buộc Chủ tịch UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện bồi thường giá đất theo đúng quy định pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/8/2025, người khởi kiện bà Tôn Nữ Kim H kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu

cầu của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa, Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến tranh luận:

Cơ sở pháp lý để bà H khiếu nại đơn giá bồi thường đất bị thu hồi như sau:

- Về cách xác định vị trí, khu vực đất để áp giá bồi thường:

Quyết định 712 không áp giá theo Tờ trình số 9272/TT-STNMT ngày 30-12-2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, về việc đề nghị thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, tại bảng biểu số 2 đã được tính tại thời điểm khảo sát giá vào tháng 12/2022 và Tờ trình số 488/TTr-UBND ngày 26/12/2022 của UBND thành phố B đối với khu vực 2, vị trí 2 là: 2.420.000đồng/m². Trong khi đó, Quyết định 712 có sự chênh lệch giảm giá bồi thường gây thiệt hại cho bà H khoảng 28% cho mỗi m² đất thu hồi.

- So sánh giá bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất tại xã H, thành phố B (Đô thị II) thấp hơn xã C, thị xã P (Đ):

Bà H nhận thấy những nội dung bất hợp lý của Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, dẫn đến UBND thành phố B áp giá không hợp lý, vì hai khu vực giáp ranh nhau, cùng thuộc một dự án mà giá đất thuộc xã của thành phố B lại thấp hơn giá đất thuộc xã của thị xã P, trong khi đó hạ tầng kỹ thuật, mật độ dân cư của xã C, thị xã P mức độ sinh lợi thấp hơn so với địa bàn xã H, thành phố B. Mặt khác, đối với việc khảo sát giá đền bù nêu trên, UBND thành phố B đã không tổ chức họp dân để lấy ý kiến người dân bị thu hồi, không công khai giá đất bồi thường để người dân bị thu hồi đất được biết và có ý kiến. Ngoài ra, các ban ngành (UBND Tỉnh, Sở T, Sở T, Sở Tư pháp, Chi cục T1) không đi khảo sát thực tế mà chỉ có UBND thành phố B thực hiện khảo sát giá, là không đảm bảo qui trình xác định giá bồi thường đất theo quy định pháp luật. Từ việc khảo sát giá này đã dẫn đến việc UBND thành phố B tham mưu giá đất bồi thường thấp và không phản ánh đúng thực tế giá trị thực của khu vực có đất bị thu hồi.

Việc Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND tỉnh B không chấp nhận đơn khiếu nại về đơn giá bồi thường đất xuất phát từ việc xác định không đúng giá bồi thường, việc áp giá bồi thường về đất nêu trên là trái với quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai 2013; khoản 5 Điều 4 của Nghị định 44/2014/NĐ-CP và khoản 4 Điều 3 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, gây thiệt hại cho bà H. Nếu căn cứ các quy định tại Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 thì giá đất bồi thường xã H, thành phố B (Đô thị II) phải cao hơn xã C, thị xã P (Đ) là 10%.

Quyết định 712 áp giá không đúng quy định dẫn đến gây thiệt hại cho bà H, cụ thể với đất nông nghiệp mất khoảng 28%, số tiền ước tính bị thiệt hại khoảng: 916.212.000 đồng - 661.792.800 đồng = 254.419.200 đồng.

UBND thành phố B không có thẩm quyền thực hiện việc khảo sát giá đất mà thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B-VT theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai 2013. Việc này vô cùng bất hợp lý và xâm phạm

ngghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Do đó, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với N bị kiện là có căn cứ pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Tôn Nữ Kim H làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã có đơn xin vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện về giá đất bồi thường, thấy rằng, ngày 21/11/2022, bà Tôn Nữ Kim H bị thu hồi diện tích đất 378,6m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ thu hồi đất số 23 (tương ứng thửa đất số 107/1.053,2m², tờ bản đồ địa chính số 67), xã H, thành phố B, tỉnh bà R – Vũng Tàu theo Quyết định 657 của UBND thành phố B để thực hiện Dự án Thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B giai đoạn 1.

Bà H cho rằng, Quyết định 712 áp giá đất 1.748.000 đồng/m² là không phù hợp với giá theo Tờ trình số 9272/TT-STNMT ngày 30-12-2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (về việc đề nghị thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, tại bảng biểu số 2 đã được tính tại thời điểm khảo sát giá vào tháng 12/2022) và Tờ trình số 488/TTr-UBND ngày 26/12/2022 của UBND thành phố B đối với khu vực 2, vị trí B) là 2.420.000đồng/m², gây thiệt hại cho bà H khoảng 28% cho mỗi m² đất thu hồi nêu khiếu nại Quyết định 712 nêu trên.

[3] Xét thấy, trước khi ban hành Quyết định 712 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Tôn Nữ Kim H, UBND thành phố B đã thực hiện trình tự thủ tục thuê tư vấn và khảo sát giá đất, cụ thể: Ngày 22/12/2022, Công ty M có chứng thư số 12220096/2022/CTĐGD-MHD thuộc công trình Dự án trên; ngày 26/12/2022, UBND thành phố B có Tờ trình số 488/TTr-UBND về việc đề nghị phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trình UBND Tỉnh và Sở

T; ngày 30/12/2022, Sở T có Công văn số 9273/STNMT-CCQLĐĐ về việc đề nghị thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gửi Sở T – Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể; ngày 09/01/2023, Sở T có Tờ trình số 12/TTr-STNMT về việc đề nghị thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án; ngày 10/01/2023, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể có Công văn số 06/STC-HĐTĐGDCT về việc thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án; ngày 10/01/2023, Sở T có Tờ trình số 18/TTr-STNMT về việc đề nghị phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án; ngày 12/01/2023, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án.

[4] Thủ tục xác định giá đất cụ thể nêu trên là đúng quy định tại các Điều 112, 113, 114, 115, 116 Luật Đất đai năm 2013, Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về giá đất, Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

[5] Về việc so sánh giá đất tại đoạn bồi thường tại thành phố P và đoạn đường thu hồi tại thành phố B, thấy rằng: Theo Quyết định 712, thì giá đất khu vực 2, vị trí 1 là 1.748.000 đồng/m²; đất của bà H là thửa số 107, tờ bản đồ số 67, xã H, vị trí theo mặt đường nhựa số 9 là khu vực 2, vị trí 1 nên mức giá đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Bà H cho rằng so sánh với Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, đoạn qua phường M, phường H, xã T và xã C, thị xã P, thì giá đất tại xã H, thành phố B thấp hơn giá đất tại xã C, thành phố P, nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh giá đất thực tế tại hai khu vực có sự chênh lệch nên yêu cầu của bà H đề nghị hủy Quyết định 712 là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Do đó, các yêu cầu của bà H về việc hủy Quyết định 1591 và Quyết định 2999 về giải quyết khiếu nại của bà H (lần 1 và lần 2) đối với Quyết định 712 cũng không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đối với N bị kiện là có căn cứ, do đó, ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Tôn Nữ Kim H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Tôn Nữ Kim H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 364/2025/HC-ST ngày 14-8-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 74, khoản 1 Điều 75, các điều 112, 113, 114, 115, 116 Luật Đất đai năm 2013; Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về giá đất; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Kim H về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Tôn Nữ Kim H; Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Kim H (lần đầu); Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Kim H (lần hai); buộc Chủ tịch UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện bồi thường giá đất theo đúng quy định pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Tôn Nữ Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0011809 ngày 27/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, VNYX.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn